

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2022

V/v tranh chấp ly hôn (không
công nhận mối quan hệ vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Phú Mỹ.
- Ông Nguyễn Văn Minh.

- Th1 ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh H, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm: 19ĐĐ.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H, bà Th mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Minh H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Th sống chung vợ chồng từ năm 1993, trước khi sống chung vợ chồng thì ông H và bà Th có tự tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng, không có tổ chức đám cưới do hoàn cảnh khó khăn, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Thường xuyên gây gổ, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Từ năm 2021 tuy vợ chồng sống chung nhưng không còn quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau đến nay.

Ông H thừa nhận trước đây khi gây gổ với bà Th ông H có lúc đánh bà Th, từ khoảng tháng 10 – 11/2021 đến nay ông H có tình cảm với người phụ nữ khác.

Nay ông H nhận thấy tình cảm với bà Th không còn, không thể hàn gắn tiếp tục sống chung vợ chồng, nên ông H yêu cầu ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng) với bà Th.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Th1, sinh năm 19XX đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th thống nhất phần trình bày của ông H về quá trình sống chung vợ chồng giữa bà Th, ông H và việc bà Th, ông H không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ và ông H thường xuyên đánh bà Th, nguyên nhân do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2021 ông H không còn quan tâm, chăm sóc bà Th đến nay, dù bà Th có quan tâm, chăm sóc ông H nhưng ông H không quan tâm đến.

Nay bà Th không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn tiếp tục sống chung vợ chồng, nên bà Th đồng ý ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng) với ông H.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh Th1, sinh năm 19XX đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th1 ký phiên tòa cũng như nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Minh H và bà Huỳnh Thị Th.

- Về nuôi con chung: Do con chung đã thành niên, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do ông H, bà Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Do ông H, bà Th xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng) với bà Huỳnh Thị Th là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phạm Minh H về việc yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ chồng với bà Huỳnh Thị Th vì giữa ông H và bà Th không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Ông Phạm Minh H và bà Huỳnh Thị Th chung sống như vợ chồng từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Lẽ ra khi ông H, bà Th chung sống với nhau như vợ chồng thì phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Do ông H, bà Th đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Th không hợp pháp vì không được pháp luật công nhận và không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Trong quá trình chung sống, từ năm 2015 giữa ông H, bà Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, Thường xuyên gây gổ, có lúc ông H đánh bà Th, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống và ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Ông H, bà Th thừa nhận từ năm 2021 tuy hai người sống chung với nhau, nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay; cả hai đều không còn tình cảm với nhau và cũng không thể hàn gắn để sống chung vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà Th đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn Thương yêu, quan tâm lẫn nhau.

Do đó, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà Th là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Do con chung của ông H và bà Th tên Phạm Minh Th1, sinh năm 19XX đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do ông H, bà Th tự thỏa thuận không yêu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Do ông H, bà Th xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Minh H và bà Huỳnh Thị Th.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do con chung của ông Phạm Minh H và bà Huỳnh Thị Th tên Phạm Minh Th1, sinh năm 19XX đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Do ông H, bà Th tự thỏa thuận không yêu xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do ông H, bà Th xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Phạm Minh H nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, ông H đã nộp ngày 07/7/2022 theo biên lai thu số 0000841 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Tuấn Em